TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 3106/2024/DS-ST
Ngày: 30/9/2024.
V/v: Tranh chấp hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Văn Cành.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Quý.

2. Ông Nguyễn Lương Quân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Phương Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Liên - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 1 đã xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 232/2024/TLST-DS ngày 10/4/2024 về việc "Tranh chấp hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15547/2024/QĐXXST-DS ngày 19/8/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 16800/2024/QĐST-DS ngày 10/9/2024, giữa:

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng TMCP S.
Địa chỉ: 2 N, Phường V, Quận C, Tp ..
Người đại diện hợp pháp của Nguyên đơn: Ông Lã Ngọc M, sinh năm 1970 (Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).
Địa chỉ liên hệ: B N, Phường V, Quận C, Tp ..
(Theo Giấy uỷ quyền số 1164/2024/UQ-TGĐ ngày 21/02/2024).

- *Bị đơn*: Ông Hồ Trung K, sinh năm 1996 (vắng mặt).
Địa chỉ: 3 N, Phường C, Quận A, Tp ..

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện, tại các bản khai, trong quá trình chuẩn bị xét xử và tại Đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, ông Lã Ngọc M là Người đại diện hợp pháp của Nguyên đơn - Ngân hàng TMCP S trình bày:

Ngày 21/7/2018, Bị đơn ông Hồ Trung K có ký với Nguyên đơn Ngân hàng TMCP S Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng (Sau đây gọi tắt là "Hợp đồng tín dụng"). Căn cứ thu nhập của Bị đơn, Nguyên đơn đã đồng ý cấp thẻ tín

dụng số thẻ 472075-8507 với hạn mức sử dụng là 25.000.000 đồng, mục đích sử dụng: tiêu dùng cá nhân. Mức lãi suất tại thời điểm vay là 2.15%/tháng.

Quá trình sử dụng thẻ, Bị đơn đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 512.788.046 đồng. Từ ngày kích hoạt thẻ đến nay, Bị đơn chỉ thanh toán cho Nguyên đơn số tiền 493.520.000 đồng. Số tiền này được áp dụng thanh toán theo thứ tự quy định tại Điều 20 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng Thẻ tín dụng của Ngân hàng, cụ thể:

+ Các khoản phí và/hoặc lãi của kỳ trước;

+ Giao dịch rút tiền mặt của kỳ trước;

+ Giao dịch mua hàng hóa của kỳ trước;

+ Các khoản phí và/hoặc lãi trong kỳ;

+ Giao dịch rút tiền mặt trong kỳ;

+ Giao dịch mua hàng hóa trong kỳ.

Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng Bị đơn vẫn không có thiện chí trả số nợ còn thiếu, nên ngày 23/11/2020 Nguyên đơn đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ, chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu của Bị đơn sang nợ quá hạn và áp dụng lãi suất nợ quá hạn (150% lãi suất được công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại, lãi suất trong hạn là 2.6%/tháng x 150% = 3.9%/tháng lãi quá hạn) đối với dư nợ chưa thanh toán tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Thời điểm chuyển nợ quá hạn, nợ gốc Bị đơn chưa thanh toán là 28.965.061 đồng.

Do đó, Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc Bị đơn thanh toán ngay một lần toàn bộ tiền nợ còn thiếu, tạm tính đến ngày 30/9/2024 là 81.983.301 đồng (Trong đó dư nợ gốc là 28.965.061 đồng, lãi quá hạn là 53.018.240 đồng) theo Hợp đồng tín dụng mà các bên đã tham gia ký kết. Nợ lãi tiếp tục phát sinh theo mức lãi suất quy định tại Hợp đồng tín dụng cho đến khi Bị đơn hoàn tất nghĩa vụ thanh toán các khoản nợ đối với Nguyên đơn.

** Quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa hôm nay, Tòa án đã nhiều lần triệu tập nhưng Bị đơn vắng mặt không có lý do, không trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn và không giao nộp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.*

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1, Tp . phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau*:

Việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tòa án xác định quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết, thời hiệu, thực hiện thủ tục cấp tống đạt các văn bản tố tụng, thu thập chứng cứ, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát, thành phần tham gia xét xử được thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai mà không có lý do mặc dù đã được tống đạt hợp lệ. Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt. Tại phiên tòa, Hội đồng

xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Viện kiểm sát nhân dân Quận 1 không có kiến nghị gì về tố tụng.

Về nội dung: Căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở chấp nhận toán bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn buộc Bị đơn thanh toán công nợ gốc còn thiếu và lãi suất chậm thanh toán theo yêu cầu của Nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về pháp luật tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Xét, Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Bị đơn thanh toán nợ gốc và lãi là tranh chấp phát sinh trong hoạt động cấp tín dụng của Nguyên đơn. Thời điểm ký Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng ngày 21/7/2018, Bị đơn có hộ khẩu thường trú tại 3 N, Phường C, Quận A, Tp . và làm việc tại Công ty TNHH Á, số B C, Phường A, Quận A, Tp ., ngoài ra không cung cấp thêm địa chỉ thường trú/tạm trú/cư trú nào khác. Theo kết quả xác minh ngày của Công an phường C, Quận A, Tp . Bị đơn hiện có hộ khẩu thường trú tại 3 N, Phường C, Quận A, Tp . nhưng không thực tế cư trú tại địa phương, đi đâu không khai báo. Đồng thời, căn cứ Kết quả xác minh ngày 10/7/2024 của Công an P, Quận A, Tp . cho biết tại số B C, Phường A, Quận A, Tp . hiện không có Công ty TNHH Á hoạt động. Do đó địa chỉ nơi Bị đơn đăng ký hộ khẩu thường trú 3 N, Phường C, Quận A, Tp . là nơi cư trú cuối cùng của Bị đơn, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 1, Tp . theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[1.2] Về việc xét xử vắng mặt đương sự:

[1.2.1] Về việc vắng mặt Nguyên đơn:

Người đại diện hợp pháp của Nguyên đơn là ông Lã Ngọc M có đơn yêu cầu được vắng mặt tại các phiên tòa xét xử vụ án. Xét là sự tự nguyện, không trái pháp luật nên chấp nhận.

[1.2.2] Về việc vắng mặt Bị đơn:

Căn cứ kết quả cung cấp thông tin của Công an Phường C, Quận A, Tp ., Bị đơn hiện có hộ khẩu thường trú tại 3 N, Phường C, Quận A, Tp . nhưng không thực tế cư trú tại địa phương, đi đâu không khai báo. Do đó địa chỉ nơi Bị đơn đăng ký hộ khẩu thường trú 3 N, Phường C, Quận A, Tp . là nơi cư trú cuối cùng của Bị đơn.

Xét, Bị đơn thay đổi địa chỉ cư trú nhưng không thông báo cho Nguyên đơn biết được xem là cố tình giấu địa chỉ, Toà án tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục chung, địa chỉ thường trú là địa chỉ nơi cư trú cuối cùng của Bị đơn làm cơ sở để thực hiện thủ tục cấp tống đạt và niêm yết theo quy định tại Điều 179 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thực hiện việc tống đạt các văn bản tố tụng và triệu tập Bị đơn tham gia phiên toà đến lần thứ hai nhưng Bị đơn vắng mặt.

Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành phiên toà xét xử vắng mặt Bị đơn theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thời hiệu giải quyết vụ án:

Tại khoản 2 Điều 184 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quy định: "*Tòa án chỉ áp dụng quy định về thời hiệu theo yêu cầu áp dụng thời hiệu của một bên hoặc các bên với điều kiện yêu cầu này phải được đưa ra trước khi Tòa án cấp sơ thẩm ra bản án, quyết định giải quyết vụ việc*". Quá trình giải quyết vụ án, Bị đơn vắng mặt, không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn và ý kiến liên quan đến việc áp dụng thời hiệu giải quyết vụ án.

[3] Về việc ủy quyền tham gia tố tụng:

Nguyên đơn ủy quyền khởi kiện, tham gia tố tụng cho Công ty TNHH MTV Q và Khai thác tài sản Ngân hàng S; Công ty TNHH MTV Q và Khai thác tài sản Ngân hàng S ủy quyền cho ông Lã Ngọc M thay mặt tham gia tố tụng để thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng dân sự là không vượt quá phạm vi được ủy quyền, phù hợp với quy định tại Điều 85, Điều 86 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Về pháp luật nội dung:

[4.1] Xét yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn:

Căn cứ tài liệu, chứng cứ do Nguyên đơn giao nộp gồm: Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng ngày 21/7/2018; Quyết định về việc ban hành biểu phí sản phẩm dịch vụ T1 phát hành tại Việt Nam số 2399/2019/QĐ-TTT ngày 06/8/2019; Thông báo về việc thay đổi lãi suất áp dụng cho thẻ tín dụng do S1 phát hành số 113/TB-TTT ngày 04/7/2011 và các tài liệu chứng minh về nhân thân của Bị đơn, có cơ sở xác định Bị đơn có ký với Nguyên đơn hợp đồng tín dụng và được Ngân hàng đồng ý cấp Thẻ tín dụng số thẻ 472075-8507 với hạn mức sử dụng là 25.000.000 đồng, mục đích sử dụng: tiêu dùng cá nhân. Mức lãi suất tại thời điểm vay là 2.15%/tháng.

Thực hiện hợp đồng, Bị đơn đã thực hiện giao dịch với tổng số tiền là 512.788.046 đồng, bị đơn đã thanh toán 493.520.000 đồng cho Nguyên đơn. Do Bị đơn nhiều lần vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên đến ngày 23/11/2020, Nguyên đơn đã chấm dứt quyền sử dụng Thẻ tín dụng và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Tại thời điểm chuyển nợ quá hạn, nợ gốc Bị đơn chưa thanh toán là: 28.965.061 đồng.

Như vậy, hợp đồng tín dụng được xác lập và thoả thuận trên cơ sở tự nguyện của cả hai bên, không trái quy định pháp luật nên được công nhận. Bị đơn đã được Nguyên đơn đồng ý cấp Thẻ tín với hạn mức sử dụng là 25.000.000 đồng theo như thoả thuận. Tuy nhiên, Bị đơn không thực hiện việc thanh toán nợ gốc, nợ lãi, phí. Việc Nguyên đơn thông báo thu hồi quyền sử dụng thẻ, chuyển dư nợ quá hạn từ ngày 23/11/2020 với số tiền 28.965.061 đồng và áp dụng mức lãi suất quá hạn 150% lãi suất vay trong hạn là phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng.

Do đó, Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Bị đơn tổng số tiền tạm tính đến ngày 30/9/2024 là 81.983.301 đồng (trong đó dư nợ gốc là 28.965.061 đồng, lãi quá hạn

là 53.018.240 đồng). Nợ lãi tiếp tục phát sinh theo mức lãi suất quy định tại Hợp đồng tín dụng cho đến khi Bị đơn hoàn tất nghĩa vụ thanh toán các khoản nợ đối với Nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

[4.2] Xét ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1 về việc tuân theo pháp luật tố tụng và đề nghị giải quyết vụ án đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn được chấp nhận nên Bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm tính trên số tiền phải thanh toán cho Nguyên đơn; hoàn trả tiền tạm ứng án phí đã nộp cho Nguyên đơn theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227 và các Điều 203, 264, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 91; Điều 95 Luật Các Tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Điều 280; Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm và Thông báo số 15/TB-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao về việc đính chính Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008, sửa đổi bổ sung năm 2014.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn - Ngân hàng TMCP S:

Buộc ông Hồ Trung K phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP S khoản nợ của Thẻ tín dụng số số thẻ 472075-8507, tổng số tiền nợ tạm tính đến ngày 30/9/2024 là 81.983.301 đồng (*T mươi mốt triệu, chín trăm tám mươi ba ngàn, ba trăm lẻ một đồng*) (Bao gồm nợ gốc là 28.965.061 đồng, lãi quá hạn là 53.018.240 đồng) ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, ông Hồ Trung K còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng ngày 21/7/2018. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất sẽ được tiếp tục điều chỉnh tại giai đoạn thi hành án.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Hồ Trung K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 4.099.165 đồng (*Bốn triệu, không trăm chín mươi chín ngàn, một trăm sáu mươi lăm đồng*).

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền tạm ứng án phí đã nộp: 1.838.714 đồng (*Một triệu, tám trăm ba mươi tám nghìn, bảy trăm mười bốn đồng*) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0038137 ngày 08 tháng 4 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự Quận 1.

3. Về quyền kháng cáo:

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phan Văn Cành